

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/HS-ST
Ngày: 18/05/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ – THÀNH PHỐ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng.
2. Bà Đinh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2022/HSST ngày 23 tháng 03 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 04 năm 2022 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/HSST-QĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Lò Trọng N, sinh năm 1975, tại TH; Hộ khẩu thường trú: Ấp 6, xã AL, huyện PG, tỉnh BD. Nơi cư trú: 1148/1B Tỉnh lộ 43, Khu phố 1, phường BC, thành phố Đ, Thành phố M. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông: Lò Văn T và bà: Vi Thị X; vợ: Ninh Thị T và có 02 con sinh năm 2010 và 2014; tiền án: không có; tiền sự: không có; bị bắt, tạm giam ngày 26/11/202.

Nhân thân: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 330/QĐ-CSCNBB ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh buộc Lò Trọng N đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy số 3, với thời gian 12 tháng, chấp hành xong tháng 10/2019.

Bị hại: Chị Đinh Thị S, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: 1148/1B Tỉnh lộ 43, Khu phố 1, phường BC, thành phố Đ, Thành phố M.

Tại phiên tòa bị cáo có mặt, người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Lò Trọng N và chị Đinh Thị S sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2021, tại phòng trọ số 1 nhà trọ số 1148/1B, tỉnh lộ 43, Khu phố 1, phường BC, thành phố Đ, Thành phố M. Khoảng ngày 15/11/2021, chị S cất 01 (một) sợi dây chuyền và 01(một) mặt dây chuyền màu vàng vào túi quần màu sọc đen trắng móc treo vào tủ quần áo để trên gác thì N nhìn thấy. Khoảng 07 giờ ngày 25/11/2021, thấy chị S đang ngủ dưới sàn nhà thì N nảy sinh ý định lấy trộm số vàng trên của chị S. N đã mở cửa tủ lấy trộm 01 (một) sợi dây chuyền và 01(một) mặt dây chuyền màu vàng cất dấu vào túi quần Jean phía trước của N. Đến 9 giờ cùng ngày, N lấy xe mô tô biển số 76F1-9420 đến tiệm vàng KPHT tại địa chỉ 1146 tỉnh lộ 43, Khu phố 1, phường BC, thành phố Đ bán đi số vàng đã trộm được cho chị Nguyễn Thị Thanh T là nhân viên của cửa hàng, với giá 12.387.000 (mười hai triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn) đồng, chị Thúy đã đưa lại cho N 02 (hai) biên nhận bán vàng. Số tiền bán vàng, N gửi về cho vợ là Ninh Thị T số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để nuôi hai con, còn lại N để sửa xe và đi về phòng trọ đưa cho chị S số tiền 2.880.000 (hai triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng.

Nghi ngờ về việc N đang thất nghiệp mà lại có tiền cho mình nên chị S kiểm tra lại số vàng đã cất giữ trong tủ quần áo thì phát hiện bị mất. Chị S đến Công an phường BC báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Lò Trọng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (BL: 29 - 40).

Biên bản xác định giá vàng ngày 25/11/2021 tại Công ty vàng bạc đã quý Phú Nhuận (PNJ) như sau: Vàng 18k có giá 3.764.000 đồng/chỉ (1,66 x3.764.000 = 6.248.000 đồng); Vàng 24k, có giá 5.105.000 đồng/chỉ (1,485 x5.105.000 đồng = 7.580.000 đồng). Tổng giá trị thiệt hại là 13.828.000 (mười ba triệu tám trăm hai mươi tám ngàn) đồng (BL- 113).

Vật chứng vụ án:

- 01(một) quần sọc màu đen sọc trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đồng số thuê bao 033294454, đây là tài sản của chị Đinh Thị S, Công an Thành phố Đ đã trả lại cho Chị S (BL: 89A);

- Số tiền 2.880.000 000 (hai triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng do chị S giao nộp và 7.000.000 (bảy triệu) đồng do chị Ninh Thị T giao nộp, Công an Thành phố Đ đã trả lại cho Chị S (BL: 89);

- 01(một) áo thun màu xanh dương; 02 (hai) tờ giấy giao dịch của tiệm vàng “KPTH” (01 tờ ghi trị giá 4.880.000 đồng và 01 (một) tờ ghi trị giá 7.499.000 đồng); 01 tờ giấy giao dịch của Viettel Store ghi giá trị 7.000.000 đồng;

- 01 (một) xe moto hiệu Zonox màu đỏ đen xám biển số 76F1-9420, số máy: 006327, số khung: 06327. Qua xác minh, chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại: TDP TĐ 2, phường PT, Thị Xã ĐP, tỉnh QN đứng tên chủ sở hữu, bà Đ hiện nay đi khỏi địa phương chưa làm việc được.

Về trách nhiệm phân dân sự: Chị Đinh Thị S đã nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đồng số thuê bao 033294454 và số tiền 9.880.000 (chín triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng. Chị S không có yêu cầu bồi thường nào khác (BL: 89, 89A).

Tại Cáo trạng số: 113/CTr-VKSTPTĐ ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Thành phố M đã truy tố Lò Trọng N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2]. Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Trọng N từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Trọng N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét trong quá trình điều tra và truy tố, Lò Trọng N thừa nhận khoảng 07 giờ ngày 25/11/2021, thấy chị S đang ngủ dưới sàn nhà thì N nảy sinh ý định lấy trộm dây chuyền của chị S, N đã mở cửa tủ lấy trộm 01 (một) sợi dây chuyền và 01 (một) mặt dây chuyền màu vàng cất giấu vào túi quần Jean phía trước của N. Đến 9 giờ cùng ngày, N lấy xe mô tô biển số 76F1-9420 đến tiệm vàng KPHT tại địa chỉ 1146 tỉnh lộ 43, Khu phố 1, phường BC, bán đi số vàng đã lấy được cho chị Nguyễn Thị Thanh T là nhân viên của cửa hàng, với giá 12.387.000 000 (mười hai triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn) đồng và chị Thúy đã đưa lại cho N 02 (hai) biên nhận bán vàng. Số tiền bán vàng, N gửi về cho vợ là Ninh Thị T số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để nuôi hai con. Số tiền còn lại N để sửa xe và đi về phòng trọ đưa cho chị S số tiền 2.880.000 (hai triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo là người có khả năng

nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã cố ý, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Về tình tiết định khung hình phạt:

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.828.000 (mười ba triệu tám trăm hai mươi tám ngàn) đồng, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo hành vi xâm phạm quyền sở hữu nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- 01(một) quần sọc màu đen sọc trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu đồng sọc thuê bao 033294454, đây là tài sản của chị Đinh Thị S, Công an Thành phố Đ đã trả lại cho Chị S (BL: 89A);

- Số tiền 2.880.000 (hai triệu tám trăm tám mươi ngàn) đôn đồng do chị S giao nộp và 7.000.000 (bảy triệu) đồng do Chị Ninh Thị T giao nộp, Công an Thành phố Đ đã trả lại cho Chị S (BL: 89);

- 01 (một) áo thun màu xanh dương căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy ;

- 02 (hai) tờ giấy giao dịch của tiệm vàng “ LPHT“ (01 tờ ghi trị giá 4.880.000 đồng và 01 tờ ghi trị giá 7.499.000 đồng); 01(một) tờ giấy giao dịch của Viettel Store ghi giá trị 7.000.000 đồng lưu giữ trong hồ sơ;

- 01 (một) xe moto hiệu Zonox màu đỏ đen xám biển số 76F1-9420, số máy: 006327, số khung: 06327. Qua xác minh, chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại: TDP TĐ 2, phường PT, Thị Xã ĐP, tỉnh QN đứng tên chủ sở hữu, bà Đ hiện nay đi khỏi địa phương chưa làm việc được. Do đó, giao cho Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Đ thông báo trên các phương tiện đại chúng để tìm chủ sở hữu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đăng báo. Quá thời hạn này, nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9]. Đối với chị Ninh Thị T không biết số tiền N chuyển về do phạm tội mà có, sau khi biết chị Thúy đã nộp lại số tiền nên không có căn cứ để xử lý Ninh Thị T vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, không biết số vàng N bán do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý Nguyễn Thị Thanh T vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Áp dụng Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Lò Trọng N** phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lò Trọng N: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01(một) áo thun xanh không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, Thành phố M thông báo trên các phương tiện đại chúng để tìm chủ sở hữu đối với chiếc xe mô tô hiệu Zonox màu đỏ đen xám, biển số 76F1-9420, số máy: 006327, số khung: 06327 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày đăng báo. Quá thời hạn này, nếu không xác định được chủ sở hữu thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 02 (hai) tờ giấy giao dịch của tiệm vàng “ KPHT” (01 tờ ghi trị giá 4.880.000 đồng và 01 tờ ghi trị giá 7.499.000 đồng); 01(một) tờ giấy giao dịch của Viettel Store ghi giá trị 7.000.000 đồng lưu giữ trong hồ sơ;

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Đ;
- Tòa án nhân dân Thành phố M;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. M;
- Sở Tư pháp Thành phố M;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu